

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001050

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật lắp đặt điện (278220) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: **29**

Số bài thi: **29**

Số tờ giấy thi: **29**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Ngô.T.T.Hoa	Thương T.Hien	Tin Thien Ong	Đào Nh 905

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050001	PHẠM QUỐC ANH	03/02/2003	CCQ2105A		1	Anh	5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121050077	BÙI XUÂN	25/09/2003	CCQ2105A		1	Xuan	5,0	2,0	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121050027	ĐOÀN HUỖNH HỮU	29/03/2003	CCQ2105A		1	chuong	5,0	1,0	1,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121050058	PHẠM TIẾN	21/01/2003	CCQ2105B		1	Tien	7,0	6,9	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121050002	NGUYỄN THÀNH	25/06/2003	CCQ2105A		1	Thanh	6,0	6,3	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050031	NGUYỄN VĂN THÀNH	17/07/2003	CCQ2105A		1	Thanh	5,5	6,4	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121050041	NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B		1	Duc	5,0	6,3	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121050003	NGUYỄN PHAN THÀNH	09/03/2003	CCQ2105A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121050071	PHAN MINH	27/05/2003	CCQ2105B		1	Minh	5,5	5,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050057	HÒA NGỌC	22/02/2002	CCQ2105B		1	Hoi	6,0	5,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121050004	LÂM THANH	21/09/2003	CCQ2105A		1	Thanh	5,0	6,9	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121050049	ĐÀO TẤN	27/09/2003	CCQ2105B		1	Tan	5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121050078	NGUYỄN TRUNG	17/11/2002	CCQ2105B		1	Trung	6,0	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121050019	VÕ NGỌC	06/02/2003	CCQ2105A		1	Huy	5,5	7,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121050025	NGUYỄN HẢI	15/07/2003	CCQ2105A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121050038	NGUYỄN HOÀNG	13/07/2003	CCQ2105B		1	Huy	8,0	2,5	1,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050013	NGUYỄN NGỌC	21/11/2003	CCQ2105A		1	Nha	5,5	6,7	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121050042	HỨA HOÀNG	16/12/2003	CCQ2105B		1	Hua	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121050034	NGUYỄN VIỆT	23/09/2003	CCQ2105A		1	Viet	6,0	5,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121050043	CHÂU QUỐC	02/09/2003	CCQ2105B		1	Quoc	5,0	5,4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001050

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật lắp đặt điện (228220) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

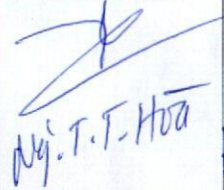
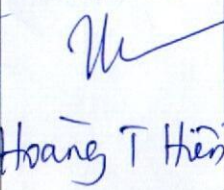
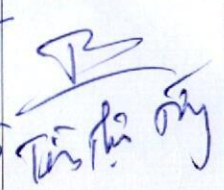
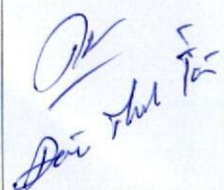
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: **29**

Số bài thi: **29**

Số tờ giấy thi: **29**

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn T.T. Hòa	Cán bộ coi thi 2  Hoàng T. Hiền	G.Viên chấm thi 1  Tấn Phong	G.Viên chấm thi 2  Đài Thuần Tài
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050061	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B		1		7,5	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121050022	LÂM TUẤN KIẾT	14/08/2002	CCQ2105A		1		5,5	6,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B		1		5,0	5,9	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B		1		5,5	6,4	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B		1		6,0	6,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121050005	PHAN PHI LONG	29/10/2000	CCQ2105A		1		5,0	5,3	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2119050015	LƯƠNG TẤN LỰC	11/07/2001	CCQ1905A		1		7,0	6,4	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B		1		5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2118050035	NGUYỄN NGỌC MINH	09/07/2000	CCQ1805A		1		5,0	5,9	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B		1		5,5	5,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121050036	LÊ THANH NAM	19/05/2003	CCQ2105B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B		1		6,0	6,7	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001051

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật lắp đặt điện (228220) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **26**

Số bài thi: **26**

Số tờ giấy thi: **26**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B		2		5,0	6,0	5,6		
2	2121050030	HỒ NGỌC NGUYỄN	25/09/2003	CCQ2105A				5,0				
3	2121050040	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÌNH NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B		1		5,0	5,4	5,2		
4	2121050007	TRẦN PHƯƠNG NHẬT	07/07/2003	CCQ2105A		1		6,5	5,8	6,1		
5	2121050032	NGUYỄN PHÁT	14/03/2003	CCQ2105A								
6	2121050008	NGUYỄN TẤN PHÁT	19/09/2003	CCQ2105A		1		7,0	5,0	5,8		
7	2121050009	NGUYỄN TRUNG PHI	18/03/2003	CCQ2105A		1		5,0	3,5	4,1		
8	2121050039	ĐẶNG ĐỨC PHÚ	07/07/2003	CCQ2105B		1		5,0	5,0	5,0		
9	2121050021	TRẦN QUANG PHÚ	02/03/2002	CCQ2105A								
10	2121050010	ĐỖ HOÀNG PHƯỚC	16/01/2003	CCQ2105A		1		5,5	5,9	5,7		
11	2121050064	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	23/04/2003	CCQ2105B		1		5,5	4,0	4,6		
12	2121050066	ĐOÀN NGỌC QUẾ	29/09/2003	CCQ2105B		1		5,5	5,4	5,4		
13	2121050060	LÊ VĂN QUYẾT	02/01/2003	CCQ2105B		1		5,0	5,5	5,3		
14	2121050037	CHÂU PHƯỚC SANG	11/11/2003	CCQ2105B								
15	2121050011	PHAN TRẦN TRUNG TÂM	15/12/2003	CCQ2105A				5,5				
16	2121050044	TỬ TỊNH TÂM	31/05/2003	CCQ2105B		1		6,0	6,4	6,2		
17	2121050054	ĐÀNG ĐỨC TÂN	17/06/2003	CCQ2105B		1		5,0	6,5	5,9		
18	2121050012	NGUYỄN CÔNG THÀNH	25/08/2003	CCQ2105A		1		6,0	7,8	7,1		
19	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B		1		6,0	7,0	6,6		
20	2121050028	NGUYỄN SỸ THIÊN	13/02/2002	CCQ2105A		1		5,0	5,9	5,5		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001051

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật lắp đặt điện (228220) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **26**

Số bài thi: **26**

Số tờ giấy thi: **27**

Cán bộ coi thi 1 <i>Châu TT Ngan</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Le Th Ha</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Trinh ogy</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Doi Th Sas</i>
---	-------------------------------------	---------------------------------------	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050026	PHẠM MINH THÔNG	03/10/2003	CCQ2105A		1	<i>chun</i>	5,5	6,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121050014	LÊ MINH THUẬN	13/09/2003	CCQ2105A		1	<i>thuy</i>	7,0	6,4	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121050015	NGUYỄN MINH TIẾN	18/06/2003	CCQ2105A		1	<i>Tuan</i>	7,5	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121050075	LÊ ĐÔNG TRIỀU	27/12/2003	CCQ2105A		1	<i>trieu</i>	8,0	5,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121050016	TRƯƠNG THANH TRIỀU	06/10/2001	CCQ2105A		1	<i>thao</i>	7,0	6,2	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121050053	HUỖNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B		1	<i>Trung</i>	7,5	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B		1	<i>truoc</i>	5,0	5,4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121050029	VÕ THÀNH TUÂN	17/11/2003	CCQ2105A		1	<i>Tuan</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121050020	PHẠM MINH TUẤN	16/10/2001	CCQ2105A		1	<i>Tuan</i>	7,5	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121050017	LÊ HỒNG VIỆT	27/09/2003	CCQ2105A		1	<i>Phi</i>	5,5	6,4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121050024	HỒ THANH XUÂN	25/01/2003	CCQ2105A		1	<i>Xuan</i>	7,5	8,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9